

NỘI LUẬT HOÁ QUY ĐỊNH CỦA CÔNG ƯỚC CHỐNG TỘI PHẠM CÓ TỔ CHỨC XUYÊN QUỐC GIA ĐỐI VỚI HÀNH VI RỬA TIỀN

NGUYỄN VIỆT TĂNG *

Tóm tắt: Bài viết làm rõ hành vi rửa tiền và tội phạm rửa tiền; phân tích việc tội phạm hoá hành vi rửa tiền do phạm tội mà có trong Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia; đánh giá những ưu điểm và hạn chế của Bộ luật hình sự Việt Nam trong việc nội luật hoá quy định của Công ước này. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về vấn đề này như: quy định thêm dấu hiệu mục đích phạm tội vào nhóm hành vi nêu tại điểm b khoản 1 Điều 324; giới hạn phạm vi xử lý hình sự đối với hành vi rửa tiền thông qua giới hạn tội phạm nguồn hoặc định lượng tối thiểu tài sản tẩy rửa; mở rộng đối tượng che giấu không chỉ là thông tin mà là nguồn gốc, bản chất thực sự, vị trí, quá trình di chuyển của tài sản hoặc quyền sở hữu đối với tiền, tài sản.

Từ khóa: Bộ luật hình sự; có tổ chức; chống tội phạm; hành vi rửa tiền; nội luật hoá; xuyên quốc gia

Nhận bài: 29/8/2018

Hoàn thành biên tập: 11/3/2019

Duyệt đăng: 17/3/2019

INTERNALISATION OF THE PROVISIONS ON MONEY LAUNDERING OF THE UNITED NATIONS CONVENTION AGAINST TRANATIONAL ORGANISED CRIME

Abstract: This paper clarifies money laundering and money laundering crimes. It analyses the criminalisation of the acts of money laundering included in the United Nations Convention against Transnational Organised Crime and assesses the advantages and limitations of the 2015 Criminal Code of Vietnam in internalising the related provisions of this Convention. On that basis, the paper offers some recommendations for improving the 2015 Criminal Code of Vietnam in this regard such as: inclusion of the signs of criminal purposes into the acts prescribed in Sub-Section b, Section 1, Article 324; limiting the scope of imposing criminal penalties on the acts of money laundering by restraining related original crimes or quantifying the minimum value of laundering property; and expanding the hidden objects which are not only the information but also the origin, the true nature, the location and the process of movement of the property or the ownership of property or money.

Keywords: Criminal Code; organised; against crimes; money laundering; internalisation; transnational

Received: Aug 29th, 2018; Editing completed: Mar 11th, 2019; Accepted for publication: Mar 17th, 2019.

1. Khái niệm rửa tiền và tội phạm rửa tiền

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, sự hợp tác giữa các quốc gia diễn ra

trên tất cả các lĩnh vực kinh tế-chính trị, văn hoá-xã hội, an ninh-quốc phòng... là xu thế mang tính tất yếu, khách quan. Song song với quá trình giao lưu, hội nhập giữa các nước, người phạm tội trong các quốc gia cũng liên kết với nhau, mở rộng phạm vi và địa bàn hoạt động. Vì vậy, tội phạm cũng

* Giảng viên, Trường đại học an ninh dân nhân
E-mail: nguyenviettang20@gmail.com

phát triển và trở thành hiện tượng mang tính toàn cầu, xuyên quốc gia, làm cho cuộc đấu tranh với tội phạm ở mỗi quốc gia ngày càng khó khăn, phức tạp hơn, trong đó có tội phạm rửa tiền.

Hiện nay, vẫn chưa có định nghĩa thống nhất mô tả hành vi rửa tiền, tuy nhiên trong một số nghiên cứu có đưa ra định nghĩa về rửa tiền như sau:

- Rửa tiền là thuật ngữ chung được sử dụng để mô tả quá trình tội phạm nguy trạng quyền sở hữu ban đầu và kiểm soát số tiền thu được từ hành vi phạm tội bằng cách làm cho số tiền đó dường như bắt nguồn từ một nguồn hợp pháp.⁽¹⁾

- Rửa tiền là quá trình nguy trạng số tiền thu được từ tội phạm và tích hợp nó vào hệ thống tài chính hợp pháp. Vấn đề là trước khi tiền của tội phạm được rửa, tội phạm khó có thể sử dụng tiền bất hợp pháp vì chúng không thể giải thích nó đến từ đâu và khiến việc truy tìm lại tội phạm sẽ dễ dàng hơn. Sau khi được rửa tiền, việc phân biệt tiền này với các nguồn tài chính hợp pháp trở nên khó khăn và tiền có thể được sử dụng bởi tội phạm mà không bị phát hiện.⁽²⁾

Mặc dù có cách diễn đạt khác nhau về hành vi rửa tiền, song giữa các định nghĩa trên đều có những điểm chung về mục đích, cách thức... Từ đó có thể hiểu:

¹ Về bản chất, rửa tiền là hành vi hợp pháp hoá tiền, tài sản do phạm tội mà có, nói cách khác đó là quá trình chuyển đổi, che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của “tiền” có được từ việc thực hiện tội phạm và tạo một lớp “vỏ bọc” bất hợp pháp cho “tiền” đó, nhằm làm cho “tiền có hình thức bẩn” trở thành “tiền có hình thức sạch”, “tiền có hình thức bất hợp pháp” trở thành “tiền có hình thức hợp pháp”.

Rửa tiền là một tội phạm và tội phạm này luôn gắn liền với các tội phạm khác,⁽³⁾ nhất là các tội phạm về kinh tế như: buôn lậu, kinh doanh trái phép, trốn thuế... các tội phạm về tham nhũng, các tội phạm về ma tuý v.v..

Trên thực tế, tổ chức tội phạm nếu muốn sử dụng tiền kiếm được bất hợp pháp cần gửi tiền vào các tổ chức tài chính vì sử dụng lượng lớn tiền mặt bất hợp pháp là rất nguy hiểm. Tuy nhiên, chúng chỉ có thể gửi tiền vào các tổ chức tài chính nếu tiền dường như đến từ các nguồn hợp pháp.⁽⁴⁾

Về lịch sử, rửa tiền xuất hiện cùng lúc với tiền, các thương nhân giấu của cải khỏi những người thu thuế, còn hải tặc thì cố bán chiến lợi phẩm của họ mà không gây tò mò về việc làm sao họ có được nó.⁽⁵⁾ Gần đây, với sự xuất hiện của tiền tệ ảo, dịch vụ ngân

(3). Tội phạm phái sinh từ các tội phạm khác.

(4). James Chen, “Rửa tiền”, <https://www.investopedia.com/terms/m/moneylaundering.asp&prev=search>, truy cập 02/3/2019.

(5). Delena D. Spann, “Rửa tiền diễn ra như thế nào?”, <http://ed.ted.com/lessons/how-does-money-laundering-work-delena-d-spann>, truy cập 02/3/2019.

(1). “Rửa tiền là gì?”, <https://www.int-comp.org/careers/a-career-in-aml/what-is-money-laundering/>, truy cập 02/3/2019.

(2). “Rửa tiền”, <https://www.gfintegrity.org/issue/money-laundering/&prev=search>, truy cập 02/3/2019.

hàng ở nước ngoài,⁽⁶⁾ web ngầm, ngân hàng ngầm⁽⁷⁾ và thị trường toàn cầu... các “mánh lới” rửa tiền đã trở nên tinh vi hơn rất nhiều. Dù có sự khác biệt lớn giữa các hình thức rửa tiền hiện đại nhưng hầu hết những hình thức này thường được thực hiện qua 3 giai đoạn: sắp xếp, phân tán và tích tụ.

Ở bước đầu tiên, người rửa tiền chèn tiền “bẩn” vào một tổ chức tài chính hợp pháp, thường ở dạng tiền gửi ngân hàng. Tiền mặt được gửi vào tài khoản đứng tên bởi một tập đoàn giấu tên⁽⁸⁾ hay một người

(6). Người rửa tiền thường gửi tiền thông qua nhiều “tài khoản nước ngoài” khác nhau ở các quốc gia có luật bảo mật ngân hàng, nghĩa là đối với mọi mục đích, các quốc gia này cho phép ngân hàng ẩn danh. Một kế hoạch phức tạp có thể liên quan đến hàng trăm chuyển khoản ngân hàng đến và đi từ các ngân hàng nước ngoài. Theo Quỹ tiền tệ quốc tế, “các trung tâm ngoài khơi lớn” bao gồm Bahamas, Bahrain, quần đảo Cayman, Hồng Kông, Panama và Singapore. Xem: Julia Layton & Oisín Curran, “Hoạt động rửa tiền như thế nào?”, <https://money.howstuffworks.com/money-laundering.htm>, truy cập 02/3/2019.

(7). Một số quốc gia ở châu Á có hệ thống ngân hàng ngầm hay ngân hàng thay thế hợp pháp, được thiết lập tốt cho phép gửi tiền, rút tiền và chuyển khoản không có giấy tờ. Đây là những hệ thống dựa trên niềm tin, thường có nguồn gốc cổ xưa, không để lại dấu vết giấy và hoạt động ngoài tầm kiểm soát của chính phủ. Bao gồm hệ thống hawala ở Pakistan và Ấn Độ và hệ thống fie chen ở Trung Quốc. Xem: Julia Layton & Oisín Curran, “Hoạt động rửa tiền như thế nào?”, t.lđd.

(8). Các công ty Shell (hay thường là được gọi là các công ti ma) là những công ti giả tồn tại không vì lí do nào khác ngoài việc rửa tiền. Họ lấy tiền bẩn làm “thanh toán” cho hàng hoá hoặc dịch vụ nhưng thực tế không cung cấp hàng hoá hay dịch vụ nào; họ chỉ đơn giản là tạo ra sự xuất hiện của các giao dịch hợp pháp thông qua hoá đơn giả và bảng cân đối. “Hoạt động rửa tiền như thế nào?”. Xem: Julia Layton & Oisín Curran, “Hoạt động rửa tiền như thế nào?”, t.lđd.

chuyên môi giới. Đây là giai đoạn rủi ro nhất của quy trình rửa tiền và là giai đoạn mà tội phạm thường dễ bị phát hiện, vì chúng chuyển một lượng tiền mặt không lồ vào hệ thống tài chính một cách đột ngột và các ngân hàng được yêu cầu báo cáo các giao dịch có giá trị cao.

Bước thứ hai - phân tán: Bước này liên quan đến việc gửi tiền thông qua các giao dịch tài chính khác nhau để thay đổi hình thức của nó và gây khó khăn cho việc theo dõi. Các hoạt động trong giai đoạn này có thể bao gồm: Chuyển khoản ngân hàng; chuyển khoản giữa các tài khoản khác nhau với các tên khác nhau ở các quốc gia khác nhau; thực hiện gửi tiền và rút tiền để liên tục thay đổi số tiền trong tài khoản; đổi tiền tệ; mua các mặt hàng có giá trị cao như: thuyền, nhà, xe hơi, kim cương, ô tô đắt tiền, đồ nghệ thuật, bất động sản... hay các sòng bạc - nơi lượng tiền được đổi chủ liên tục từng giây cũng là điểm phân tán thích hợp để thay đổi hình thức của tiền. Đây là bước phức tạp nhất trong bất kì kế hoạch rửa tiền nào và tất cả là với mục đích làm cho tiền bẩn ban đầu càng khó theo dõi càng tốt.⁽⁹⁾

Bước thứ ba - tích tụ: Đây là giai đoạn cuối cùng cho phép “tiền sạch” trở lại nền kinh tế chính thống và làm lợi cho tội phạm ban đầu. Ở giai đoạn này, tiền tái gia nhập nền kinh tế chính thống dưới hình thức hợp

(9). Một kế rửa tiền có thể có khoản tiền dư xuất hiện nhờ việc đánh bạc ở các chi nhánh của sòng bạc ở các nước khác hay móc nối với nhân viên sòng bạc để thao túng trò chơi.

pháp - nó dường như đến từ một giao dịch hợp pháp. Bước này có thể liên quan đến việc chuyển khoản ngân hàng cuối cùng vào tài khoản của một doanh nghiệp địa phương nơi người rửa tiền đang “đầu tư” để đổi lấy việc cắt giảm lợi nhuận hoặc có thể đầu tư vào một công ty hợp pháp, bán một du thuyền mua trong giai đoạn phân tán hoặc tự nhận chi trả tiền bằng cách tạo hoá đơn giả hay thành lập một hội từ thiện “ma” mà những kẻ này có chân trong ban giám đốc với mức lương kékch xù... Rất khó để bắt được tội phạm trong giai đoạn tích tụ nếu không có tài liệu trong các giai đoạn trước.

Theo một khảo sát năm 2018 từ PwC,⁽¹⁰⁾ các giao dịch rửa tiền toàn cầu chiếm khoảng 2% đến 5% GDP toàn cầu, tương đương khoảng 1 nghìn tỉ đến 2 nghìn tỉ đô la hàng năm.⁽¹¹⁾

Mặc dù hành vi rửa tiền tự nó là một tội phạm không có nạn nhân nhưng nó thường được kết nối với hoạt động tội phạm nghiêm trọng và đôi khi bạo lực.⁽¹²⁾ Việc ngăn chặn rửa tiền, trên thực tế, có thể ngăn chặn dòng tiền của tội phạm, từ đó ngăn chặn tội phạm, bao gồm cả tội phạm có tổ chức quốc tế.

Rửa tiền cũng tác động đến lợi ích kinh doanh hợp pháp bằng cách gây khó khăn cho

các doanh nghiệp trung thực cạnh tranh trên thị trường vì tội phạm rửa tiền thường cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ với giá thấp hơn giá trị thị trường. Tại Hoa Kỳ, tội “rửa tiền” vẫn không chính thức được công nhận là tội liên bang ở nước này cho đến năm 1986. Trước thời điểm đó, Chính phủ phải truy tố hành vi này với một tội danh có liên quan như tội trốn thuế. Từ năm 1986, Chính phủ Hoa Kỳ có thể tịch thu tài sản đơn giản bằng cách chỉ ra rằng đã diễn ra sự kiện che đậy vốn, tạo ra hiệu ứng tích cực trong việc truy tố các tổ chức phạm tội lớn như các tay buôn ma tuý.⁽¹³⁾

Ngày nay, Liên hợp quốc, chính phủ các nước và nhiều tổ chức phi lợi nhuận đều đấu tranh với tội “rửa tiền”. Nội dung của các quy định pháp lý quốc tế về đấu tranh với tội rửa tiền được thể hiện rõ nhất ở Công ước Vienna của Liên hợp quốc về chống buôn bán bất hợp pháp chất ma tuý và các chất hướng thần năm 1988; 40 + 9 khuyến nghị của lực lượng đặc nhiệm tài chính - FATF⁽¹⁴⁾ về chống rửa tiền và tài trợ cho khủng bố. Đặc biệt, ngày 15/11/2000, tại Palermo,⁽¹⁵⁾

(10). PricewaterhouseCoopers hay còn gọi là PwC là một trong bốn công ty kiểm toán hàng đầu thế giới hiện nay cùng với Deloitte, Ernst & Young và KPMG. Vault Accounting 50 đã xếp PwC là công ty kế toán uy tín nhất trên thế giới trong 7 năm liên tiếp, là điểm đến làm việc hàng đầu tại Bắc Mỹ trong 3 năm liên tiếp.

(11). James Chen, “Rửa tiền”, James Chen, tldd.

(12). Đặc biệt là hoạt động khủng bố hoặc tài trợ khủng bố.

(13). Delena D. Spann, “Rửa tiền diễn ra như thế nào?”, tldd.

(14). FATF (Financial Action Task Force on Money Laundering) là tổ chức liên chính phủ có mục tiêu phát triển và thúc đẩy những biện pháp chống rửa tiền và chống tài trợ cho khủng bố, được thành lập tại Hội nghị thượng đỉnh của nhóm G7 ở Paris vào năm 1989. Hiện tại, FATF có 34 quốc gia và vùng lãnh thổ, 2 tổ chức khu vực thành viên. Xem: <http://www.fatf-gafi.org/pages/aboutus/membersandobservers/#d.en.3147>, truy cập 02/3/2019.

(15). Palermo (tiếng Sicilia: Palermu, tiếng Latinh:

với Nghị quyết số 55/25 của Liên hợp quốc các quốc gia đã thông qua Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (Convention against Transnational Organized Crime - CTOC).

Nguyên Tổng thư kí Liên hợp quốc Cofi Annan đã từng nhấn mạnh: “*Với việc kí kết Công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia tại Palermo vào tháng 11 năm 2000, cộng đồng quốc tế đã thể hiện ý chí đáp lại những thay đổi toàn cầu bằng phản ứng toàn cầu. Nếu tội phạm “xuyên” qua được biên giới thì sự cưỡng chế cũng cần phải như vậy...*”⁽¹⁶⁾

Công ước được mở để các quốc gia kí kết từ ngày 13/12/2000 đến ngày 31/12/2002 (Điều 36, Điều 38), có hiệu lực từ ngày 29/9/2003. Hiện nay, đã có 147 nước kí, 189 bên thành viên.⁽¹⁷⁾

Công ước quy định một số nội dung chính như: định nghĩa và giải thích một số từ, thuật ngữ; yêu cầu các quốc gia xây dựng một số biện pháp kiểm soát cụ thể; yêu cầu các quốc

gia quy định về tịch thu tài sản do phạm tội mà có; thúc đẩy hợp tác quốc tế; tạo điều kiện cho việc huấn luyện, nghiên cứu và trao đổi thông tin; khuyến khích áp dụng các biện pháp, chính sách phòng ngừa tội phạm... Đồng thời, Công ước cũng quy định một số hành vi đòi hỏi các quốc gia phải hình sự hoá, tội phạm hoá trong pháp luật quốc gia, bao gồm: các hành vi tham gia vào một nhóm tội phạm có tổ chức (Điều 5); các hành vi rửa tài sản do phạm tội mà có (Điều 6); các hành vi tham nhũng (Điều 8); các hành vi cản trở hoạt động tư pháp (Điều 23).

Việt Nam kí Công ước vào ngày 13/12/2000, phê chuẩn ngày 08/6/2012. Với việc phê chuẩn Công ước, Việt Nam đã chính thức cam kết thực hiện nghĩa vụ nội luật hoá việc hình sự hoá một số hành vi được quy định trong Công ước vào Bộ luật hình sự (BLHS), trong đó có hành vi hợp pháp hoá tài sản do phạm tội mà có hay nói cách khác là hành vi “rửa tiền”.⁽¹⁸⁾

Trong phạm vi bài viết này, tác giả đi sâu phân tích những điểm tương thích và chưa tương thích của pháp luật hình sự Việt Nam trong việc tội phạm hoá hành vi rửa tài sản (rửa tiền) so với quy định của CTOC.

2. Tội phạm hoá hành vi rửa tiền do phạm tội mà có trong Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia

Như đã phân tích, hiện nay hầu hết các quốc gia đã tội phạm hoá hành vi rửa tiền, đặc biệt là các quốc gia đã phê chuẩn các

Panormus, tiếng Hy Lạp: Πάνορμος, Panormos) là một thành phố lịch sử ở miền Nam nước Ý, thủ phủ của vùng tự trị Sicilia và tỉnh Palermo.

(16). Nguyễn Thị Phương Hoa, *Nội luật hoá các quy định của Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia trong Bộ luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, 2016, tr. 3 - 4.

(17). Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, https://treaties.un.org/pages/ViewDetails.aspx%3Fsrc%3DTREATY%26mtdsg_no%3DXXVIII-12%26chapter%3D18%26clang%3D_en&xid=17259,15700023,15700043,15700124,15700149,15700186,15700190,15700201,15700237,15700242&usg=ALkJrhhomXm36zXSKaR2V24zdAnMo71jhVA, truy cập 11/12/2018.

(18). Điều 6 CTOC, <http://bienphongvietnam.vn/van-ban-phap-luat/van-kien-phap-ly-dieu-uoc-quoc-te/1792-ddd.html>, truy cập 11/12/2018.

Công ước của Liên hợp quốc liên quan đến tội phạm rửa tiền. Hơn thế nữa, cộng đồng quốc tế kêu gọi và yêu cầu các quốc gia, tùy thuộc vào hệ thống pháp luật của mình mà tội phạm hoá hành vi rửa tiền theo chuẩn mực quốc tế được quy định trong các công ước quốc tế và các khuyến nghị của FATF,⁽¹⁹⁾ trong đó có CTOC. Đáng chú ý, các quy định về tội phạm rửa tiền trong các công ước và trong khuyến nghị của FATF là tương tự nhau.

CTOC yêu cầu các quốc gia thành viên phải quy định tội rửa tiền với những yếu tố nhất định. Yêu cầu này nhằm xây dựng cơ sở pháp lý và tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác quốc tế trong việc ngăn chặn, phát hiện và truy tố tội phạm rửa tiền xuyên quốc gia. Tội phạm hoá rửa tiền ở phạm vi toàn cầu được coi là cơ sở pháp lý cơ bản cho hợp tác quốc tế trong phòng chống rửa tiền, chẳng hạn như tương trợ tư pháp và dẫn độ người phạm tội rửa tiền xuyên quốc gia. Từ khái niệm về rửa tiền cho thấy, sẽ không có hành vi phạm tội rửa tiền nếu không có tội phạm nguồn, do vậy việc tội phạm hoá hành vi rửa tiền có liên quan mật thiết đến với quy định tội phạm nguồn.

2.1. Tội phạm nguồn

Điều 6(2)(b) CTOC yêu cầu các quốc gia thành viên áp dụng tội rửa tiền với phạm vi rộng nhất các "tội phạm nguồn", ít nhất là bao gồm một loạt các hành vi phạm tội liên quan đến các nhóm tội phạm có tổ chức và tất cả các tội phạm nghiêm trọng. CTOC xác định một hành vi phạm tội nghiêm trọng nếu hình phạt được áp dụng cho hành vi đó là ít nhất bốn năm tù giam. Hơn nữa, Điều 6(2)(c) CTOC yêu cầu mỗi quốc gia thành viên quy định tội phạm nguồn bao gồm cả hành vi phạm tội bên ngoài lãnh thổ quốc gia đó.

2.2. Quy định về tội phạm hoá hành vi rửa tiền theo CTOC

- Mặt khách quan:

Các hành vi khách quan của tội rửa tiền được quy định trong Điều 6(1) CTOC. Theo đó, có hai nhóm hành vi bắt buộc phải tội phạm hoá và hai nhóm không bắt buộc.⁽²⁰⁾

Nhóm 1: Chuyển đổi hoặc chuyển giao "tài sản" do phạm tội mà có phạm mục đích che giấu hoặc ngụy trang "tài sản" này.

Những hành vi này bao gồm các trường hợp trong đó tài sản được chuyển đổi từ dạng này sang dạng khác, ví dụ, bằng cách sử dụng tiền mặt có nguồn gốc phạm tội để mua bất động sản hoặc bán bất động sản có nguồn gốc bất hợp pháp; hoặc "tài sản" phạm tội được chuyển từ người này qua người khác, từ nước này sang nước khác hoặc tài khoản ngân hàng này qua ngân hàng khác.⁽²¹⁾

(19). Khuyến nghị 3 FATF (2012), "International Standards on Combating Money Laundering and the Financing of Terrorism & Proliferation - the FATF Recommendations", http://fatf-gafi.org/media/fatf/documents/recommendations/pdfs/FATF_Recommendations.pdf, truy cập 22/5/2014; Nguyễn Thị Phương Hoa, *Nội luật hoá các quy định của Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia trong bộ luật hình sự Việt Nam*, sđd, tr. 76.

(20). Tùy thuộc vào đặc điểm pháp luật hình sự của mỗi quốc gia mà quyết định tội phạm hoá hay không.

(21). Theo UNODC, "Legislative Guides for the

Nhóm 2: Che giấu hoặc ngụy trang “tài sản” do phạm tội mà có.

Đây là nhóm hành vi bao gồm che giấu hoặc ngụy trang hầu hết các khía cạnh liên quan đến tài sản hoặc thông tin về tài sản do phạm tội mà có. Ngoài ra, các hành vi che giấu hoặc ngụy trang nên được hiểu là bao gồm cả hành vi ngăn cản việc phát hiện ra nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản. Có thể thấy, nhóm hành vi che giấu hoặc ngụy trang và chuyển đổi hoặc chuyển nhượng có sự giao thoa ở mức độ nhất định. Theo Điều 6(1)(a)(i) CTOC, mục đích khác của nhóm hành vi “*chuyển đổi hoặc chuyển giao*” là đang giúp “*bất kì người nào có liên quan đến việc thực hiện tội phạm nguồn nhằm trốn tránh những hậu quả pháp lí của tội phạm đó*”. Đối với hành vi che giấu hoặc ngụy trang tài sản do phạm tội mà có, CTOC không yêu cầu mục đích của hành vi là che giấu bản chất thật sự của tài sản bởi vì chính hành vi che giấu đã phản ánh mục đích che giấu các khía cạnh phản ánh bản chất thật sự của tài sản.

Nhóm 3: Có được, sở hữu hoặc sử dụng tài sản do phạm tội mà có.

CTOC không bắt buộc tất cả các quốc gia phải tội phạm hoá nhóm hành vi này một

cách giống nhau, thay vào đó cho phép mỗi quốc gia thành viên căn cứ vào những nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật quốc gia để tội phạm hoá cho phù hợp.

Nhóm 4: Tham gia, âm mưu, giúp đỡ, tiếp tay, tạo điều kiện và tư vấn thực hiện bất kì hành vi nào trong 3 nhóm hành vi nói trên.

Tương tự như nhóm hành vi thứ 3, các quốc gia có thể linh hoạt trong việc tội phạm hoá nhóm hành vi này, trên cơ sở tuân thủ các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật của từng quốc gia.

- Mặt chủ quan:

Điều 6(2)(f) CTOC quy định mặt chủ quan của tội phạm rửa tiền gồm hai yếu tố: 1) người phạm tội cố ý thực hiện một trong các hành vi nói trên và 2) khi thực hiện hành vi, người phạm tội biết rằng tài sản liên quan đến hành vi đó có được từ tội phạm nguồn hoặc từ việc tham gia tội phạm nguồn.⁽²²⁾ Hai yếu tố này có thể được chứng minh bằng các chứng cứ trực tiếp hoặc suy ra từ thực tế khách quan, chẳng hạn như thời gian, địa điểm của hành vi phạm tội hay động cơ của người phạm tội.

- Trách nhiệm pháp lí:

Điều 10 CTOC yêu cầu các quốc gia thành viên áp dụng trách nhiệm pháp lí đối với cả cá nhân và pháp nhân liên quan đến hoạt động rửa tiền. Tuy nhiên, tùy thuộc vào nguyên tắc pháp lí cơ bản của từng quốc gia, trách nhiệm pháp lí áp dụng đối với pháp nhân có thể là hình sự, dân sự hoặc

Implementaion of the United Nations Convention against Transnational Organized Crime and the Protocols thereto. 2004, at 44. Xem tại: http://www.unodc.org/pdf/crime/legislative_guides/Legislative%20guides_Full%20version.pdf, truy cập 21/4/2013; Nguyễn Thị Phương Hoa, *Nội luật hoá các quy định của Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia trong bộ luật hình sự Việt Nam*, sđd, tr. 78.

(22). Được gọi là yếu tố “nhận thức”.

hành chính. Hơn nữa, việc áp dụng trách nhiệm pháp lý đối với pháp nhân phải không làm ảnh hưởng đến trách nhiệm pháp lý áp dụng đối với cá nhân thực hiện tội phạm. Việc áp dụng trách nhiệm pháp lý đối với pháp nhân là cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn sự tham gia của các tổ chức, đặc biệt là các tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính vào hoạt động rửa tiền.

Đối với vấn đề trách nhiệm hình sự của người thực hiện tội phạm nguồn đồng thời thực hiện hành vi rửa tài sản có được từ hoạt động phạm tội (tự rửa tiền), theo Điều 6(2)(e) CTOC, căn cứ vào những nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc gia, người đã thực hiện tội phạm nguồn sau đó thực hiện hoạt động rửa tiền có thể sẽ không bị truy tố về tội rửa tiền.

3. Tội phạm hoá hành vi rửa tiền trong Bộ luật hình sự Việt Nam

Trong pháp luật hình sự Việt Nam, hành vi “rửa tiền” được tội phạm hoá lần đầu tiên trong BLHS năm 1999 với tội danh “hợp pháp hoá tiền, tài sản do phạm tội mà có”. Trong lần sửa đổi, bổ sung BLHS năm 2009, tội “hợp pháp hoá tiền, tài sản do phạm tội mà có” đã được sửa đổi thành tội “rửa tiền” (Điều 251). Theo đó, các hành vi khách quan của tội phạm rửa tiền đã được quy định cụ thể hơn và khá tương đồng với các hành vi được quy định trong CTOC. BLHS năm 2015 trên cơ sở kế thừa các quy định về tội “rửa tiền” của BLHS năm 1999, đồng thời tiếp tục hoàn thiện các yếu tố cấu thành tội phạm này.

Về yếu tố lỗi, CTOC quy định tội phạm được thực hiện một cách cố ý và vào thời điểm thực hiện hành vi rửa tiền, người phạm tội biết rằng đối tượng của hành vi là tài sản do phạm tội mà có. Điều 251 BLHS Việt Nam năm 1999 đòi hỏi vào thời điểm thực hiện hành vi rửa tiền, người phạm tội phải “biết rõ” tài sản do phạm tội mà có. Điều này khiến chúng ta băn khoăn ở sự khác biệt giữa trạng thái “biết” và “biết rõ”. Theo tài liệu giải thích của CTOC và pháp luật một số nước, trạng thái tinh thần của người phạm tội khi thực hiện hành vi là “biết” (knew) hoặc “có thể biết” (may have reasonably foreseen/should have known/could have known) hoặc “cố ý bỏ qua” (wilfully ignored) hoặc “có căn cứ hợp lý nghi ngờ” (may have reasonably suspected) về nguồn gốc tội phạm của tài sản.⁽²³⁾ Ngoài ra, khi truy cứu trách nhiệm hình sự về tội rửa tiền, cơ quan tiến hành tố tụng không cần chứng minh tội phạm nguồn. Như vậy, yêu cầu về sự hiểu biết của người phạm tội đối với nguồn gốc của tài sản đang được “rửa” trong pháp luật của các nước khá đơn giản; trong khi pháp luật Việt Nam sử dụng cụm từ “biết rõ” nên đã gây khó khăn trong việc áp dụng pháp luật. Mặt khác, Thông tư liên tịch số 09/2011/TTLT-BCA-BQP-BTP-NHNNVN-VKSNDTC-TANDTC ngày 30/11/2000 hướng dẫn áp dụng quy định của Bộ luật hình sự về

(23). Nguyễn Thị Phương Hoa, *Nội luật hoá các quy định của Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia trong Bộ luật hình sự Việt Nam*, sđd, tr. 265.

tội chưa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và tội rửa tiền (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 09) khi giải thích về yếu tố này của tội phạm đã chỉ sử dụng từ “biết”.⁽²⁴⁾ Các phân tích trên cho thấy, các quy định của BLHS năm 2015 khẳng định rõ trạng thái tinh thần của người phạm tội khi rửa tài sản không phải do mình phạm tội mà có là “biết hay có cơ sở để biết là do người khác phạm tội mà có” là một quy định tiến bộ. Đồng thời, quy định này cũng được áp dụng đối với tội “chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Ngoài ra, cần nhấn mạnh thêm rằng hiến pháp và pháp luật một số quốc gia (như Thụy Điển, Đức) không cho phép truy tố và xử phạt một người cả về tội phạm nguồn và tội phạm rửa tiền. Trong trường hợp sau khi thực hiện tội phạm nguồn, người phạm tội thực hiện hành vi “rửa” đối với tài sản mà họ có được từ việc thực hiện tội phạm nguồn, người phạm tội chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm nguồn.⁽²⁵⁾ CTOC cũng đã cho phép các quốc gia căn cứ vào các nguyên tắc cơ bản trong pháp luật của mình không truy cứu trách nhiệm hình sự về hành

vi rửa tiền đối với người thực hiện tội phạm nguồn, nếu như tài sản trong hành vi rửa tiền có được từ việc thực hiện tội phạm nguồn.⁽²⁶⁾

Đối chiếu với pháp luật Việt Nam, Thông tư số 09 hướng dẫn áp dụng Điều 250 và Điều 251 BLHS năm 1999 không đề cập liệu một người phạm tội nguồn rồi dùng tài sản đó vào hoạt động kinh doanh hoặc giao dịch tài chính nhằm che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản thì có bị truy cứu thêm tội rửa tiền hay không. Khắc phục thiếu sót này, Điều 324 BLHS năm 2015 đã khẳng định, cá nhân rửa tiền sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi rửa tài sản do mình phạm tội mà có.

Mặc dù đã có những quy định tiến bộ hơn BLHS năm 1999. Tuy nhiên, so với yêu cầu của CTOC thì quy định của BLHS Việt Nam năm 2015 vẫn tồn tại một số hạn chế cần tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện. Cụ thể:

- Về hành vi, mục đích và yếu tố lỗi:

Hoạt động rửa tiền chủ yếu được thực hiện qua hoạt động tài chính, ngân hàng; vì vậy, khi tội phạm hoá hành vi chuyển đổi, chuyển giao tài sản do phạm tội mà có, BLHS năm 2015 đã cố ý nhấn mạnh một số hình thức phổ biến của việc chuyển đổi, chuyển giao tài sản. Đó là: tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào các giao dịch tài chính, ngân hàng; sử dụng tiền, tài sản do mình phạm tội mà có hoặc biết hay có cơ sở để biết là do người khác thực hiện... vào việc tiến hành các hoạt động kinh doanh. Tuy

(24). Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 09/2011/TTLT-BCA-BQP-BTP-NHNNVN-VKSNDTC-TANDTC ngày 30/11/2010 hướng dẫn áp dụng quy định của Bộ luật hình sự về tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và tội rửa tiền.

(25). Nguyễn Thị Phương Hoa, *Nội luật hoá các quy định của Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia trong bộ luật hình sự Việt Nam*, sđd, tr. 264 - 282.

(26). Điều 6(1)(a)(ii) CTOC, t.đd.

nhiên, sau khi liệt kê một số hình thức chuyển đổi, chuyển giao tài sản phổ biến, để đảm bảo sự bao quát, BLHS đã mở rộng không giới hạn các hình thức chuyển đổi, chuyển giao với cụm từ “*hoặc hoạt động khác*”. Xét về kỹ thuật lập pháp, cách thức quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 324 BLHS năm 2015 về hành vi khách quan của tội phạm là không chặt chẽ.

Ngoài ra, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 324 BLHS năm 2015, khi thực hiện các hành vi “*tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào các giao dịch tài chính, ngân hàng hoặc giao dịch khác liên quan đến tiền, tài sản do mình phạm tội mà có hoặc biết hay có cơ sở để biết là do người khác phạm tội mà có*”, người phạm tội phải có mục đích là “*che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tiền, tài sản đó*”. Trong khi đó, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 324 BLHS năm 2015, khi thực hiện các hành vi “*sử dụng tiền, tài sản do phạm tội mà có hoặc biết hay có cơ sở để biết là do người khác thực hiện hành vi phạm tội mà có vào việc tiến hành các hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động khác*”, người phạm tội không nhất thiết phải có mục đích che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tiền, tài sản đó. Theo quy định của CTOC, khi thực hiện hành vi chuyển đổi, chuyển giao tài sản, người phạm tội phải có mục đích “*che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản*”.⁽²⁷⁾ Về điểm này, quy định của CTOC là chặt chẽ và phù hợp với bản chất của rửa tiền, đó là việc làm cho “*tiền có hình*

thức bản” trở thành “*tiền có hình thức sạch*”; làm cho “*tiền có hình thức bất hợp pháp*” trở thành “*tiền có hình thức hợp pháp*”. Chính vì vậy, cần quy định thêm dấu hiệu mục đích phạm tội vào nhóm hành vi nêu tại điểm b khoản 1 Điều 324 BLHS năm 2015. Việc quy định thêm dấu hiệu mục đích của hành vi phạm tội đồng nghĩa với việc là nếu vào thời điểm thực hiện hành vi, người phạm tội không có mục đích che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản thì họ chỉ bị truy cứu hình sự đối với tội phạm nguồn mà không bị truy cứu thêm về tội rửa tiền.

Đối với nhóm hành vi “*che giấu nguồn gốc, bản chất thực sự, vị trí, quá trình di chuyển hoặc quyền sở hữu đối với tiền, tài sản do mình phạm tội mà có hoặc biết hay có cơ sở để biết là do người khác phạm tội mà có*” đã được tội phạm hoá tại khoản 1 Điều 324 BLHS năm 2015. Đối với nhóm hành vi này, cả CTOC và BLHS Việt Nam năm 2015 đều không đòi hỏi dấu hiệu mục đích của hành vi là “*che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản*”, bởi lẽ ngay chính hành vi phạm tội đã là hành vi che giấu các khía cạnh bất hợp pháp của tài sản.

Xem xét các quy định của BLHS Việt Nam năm 2015 đối với việc tội phạm hoá nhóm hành vi này thấy rằng quy định của BLHS đã vượt hơn đòi hỏi của CTOC với việc tội phạm hoá thêm hành vi cản trở việc xác minh các thông tin về nguồn gốc, bản chất thật sự, vị trí, quá trình di chuyển hoặc quyền sở hữu đối với tiền, tài sản biết rõ là do phạm tội mà có. Điều này đã mở rộng chủ

(27). Điều 6(1)(a(ii)) CTOC, l.ddd.

thể của tội phạm này và gây rắc rối cho việc xác định chủ thể của tội phạm.

Tuy nhiên, khi tội phạm hoá hành vi “che giấu”, BLHS Việt Nam năm 2015 chỉ giới hạn đối tượng bị che giấu là “thông tin”. Sự giới hạn này làm cho phạm vi các hành vi bị coi là tội phạm hẹp hơn rất nhiều so với quy định của CTOC. Theo quy định của CTOC, đối tượng bị che giấu không chỉ là “thông tin” mà bao gồm ngay chính “vị trí của tài sản”, “bản chất thực sự của tài sản”, “quá trình di chuyển”. Trong khi đó, theo quy định của BLHS Việt Nam năm 2015, những hành vi này không phải là hành vi phạm tội rửa tiền, mà chỉ những hành vi che giấu “thông tin” về vị trí của tài sản hoặc hành vi che giấu thông tin về quá trình di chuyển của tài sản mới là hành vi khách quan của tội rửa tiền. Do đó, BLHS Việt Nam năm 2015 cần chỉnh sửa quy định này.

- Về đối tượng tác động:

Theo quy định tại Điều 2(e) CTOC, đối tượng tác động của tội phạm rửa tiền là tài sản do phạm tội mà có. Đó là mọi tài sản “bất nguồn hay có được, một cách trực tiếp hay gián tiếp, từ việc thực hiện một tội phạm”. Như vậy, đối tượng tác động của tội rửa tiền trước hết là tài sản “có được” một cách trực tiếp hoặc gián tiếp từ việc thực hiện một tội phạm. Ngoài ra, đối tượng tác động của tội phạm còn bao gồm tài sản “bất nguồn” từ việc thực hiện tội phạm. Đây có thể là những tài sản phái sinh từ những tài sản có được một cách trực tiếp hoặc gián tiếp từ việc thực hiện tội phạm.

Về các loại tài sản là đối tượng tác động của tội rửa tiền, Điều 2(d) Công ước nêu rõ: “Tài sản ở mọi hình thức, hữu hình hay vô hình, động sản hay bất động sản, vật chất hay phi vật chất, và toàn bộ các văn bản hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý chứng nhận quyền sở hữu, hay các lợi ích liên quan đến tài sản đó”. Như vậy, CTOC áp dụng cách hiểu rất rộng về đối tượng tác động của tội phạm rửa tiền.

Để tương đồng với CTOC, Thông tư liên tịch số 09 giải thích: Tài sản bao gồm “vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản; bất động sản, động sản, hoa lợi, lợi tức, vật chính, vật phụ, vật chia được, vật không chia được, vật tiêu hao, vật không tiêu hao, vật cùng loại, vật đặc định, vật đồng bộ và quyền tài sản”. Như vậy, Thông tư số 09 đã dựa trên khái niệm tài sản tại Điều 163 Bộ luật dân sự năm 2005⁽²⁸⁾ và bổ sung vào khái niệm này các dạng tài sản phân loại theo những tiêu chí khác nhau. Xét về mặt nội dung, khái niệm tài sản nêu tại Bộ luật dân sự và được lặp lại trong Thông tư liên tịch số 09 đã đáp ứng được yêu cầu cơ bản của CTOC. Xét về hình thức, quy định tại Thông tư liên tịch số 09 thiếu tính logic, bởi lẽ tài sản gồm có vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản. Đối với tài sản là vật, khi dùng những tiêu chí khác nhau, vật có thể phân chia thành: động sản và bất động sản; vật tiêu hao và vật không tiêu hao; vật chính và vật phụ... Do vậy, việc Thông tư liên tịch số 09 liệt kê ngang hàng các dạng tài sản cụ

(28). Nay là Điều 105 Bộ luật dân sự năm 2015.

thể với định nghĩa tài sản là không hợp lý và khoản 3 Điều 1 Thông tư liên tịch số 09 nên được chỉnh sửa để đảm bảo tính logic.

- Về tội phạm nguồn:

CTOC khuyến nghị các quốc gia thành viên áp dụng tội phạm rửa tiền đối với phạm vi rộng nhất các tội phạm nguồn đồng thời CTOC yêu cầu các quốc gia xác lập những tội phạm sau đây là tội phạm nguồn: tất cả các tội phạm nghiêm trọng như định nghĩa tại CTOC,⁽²⁹⁾ các tội phạm nêu trong CTOC và tất cả các tội liên quan đến một nhóm tội phạm có tổ chức.⁽³⁰⁾

Ngoài ra, để đấu tranh triệt để với hoạt động rửa tiền, theo yêu cầu của CTOC, các quốc gia thành viên phải coi những tội phạm thực hiện ở ngoài lãnh thổ của quốc gia cũng là tội phạm nguồn của tội rửa tiền. Lưu ý là những hành vi thực hiện ngoài lãnh thổ của quốc gia chỉ coi là tội phạm nguồn khi hành vi đó được quy định là tội phạm trong cả pháp luật của quốc gia nơi hành vi đó được thực hiện và trong pháp luật của quốc gia áp dụng điều này.⁽³¹⁾

Điều 324 BLHS năm 2015 không giới hạn phạm vi tội phạm nguồn. Điều này được hiểu là mọi loại tội phạm, bao gồm tội phạm ít nghiêm trọng đều có thể trở thành tội phạm nguồn của tội rửa tiền. Quy định này phù hợp với khuyến nghị của CTOC, tuy nhiên, có ý kiến cho rằng việc không giới hạn tội phạm nguồn có thể dẫn đến tình trạng “quá sức” đối với cơ quan chức năng

trong việc xác định tội phạm rửa tiền trên thực tế.⁽³²⁾ Tác giả đồng tình với quan điểm cần thiết giới hạn phạm vi xử lý hình sự đối với hành vi rửa tiền. Việc giới hạn có thể thực hiện thông qua giới hạn tội phạm nguồn hoặc định lượng tối thiểu tài sản tẩy rửa.

4. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam về tội rửa tiền

Thứ nhất, về hành vi, mục đích và yếu tố lỗi

Như đã phân tích, để đúng với bản chất của rửa tiền, nhóm hành vi nêu tại điểm b khoản 1 Điều 324 BLHS năm 2015 cần được bổ sung mục đích phạm tội là “che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản”. Tuy nhiên, cách thức liệt kê một vài hình thức rửa tiền phổ biến sau đó mở ra đến mọi hình thức khác là chưa phù hợp. Vì vậy, nên tích hợp điểm a và điểm b khoản 1 Điều 324 BLHS theo mô hình của CTOC.

Đối với điểm c khoản 1 Điều 324 BLHS năm 2015, điều luật cần mở rộng đối tượng che giấu không chỉ là thông tin mà là nguồn gốc, bản chất thực sự; vị trí; quá trình di chuyển của tài sản hoặc quyền sở hữu đối với tiền, tài sản như CTOC. Như vậy, khi chỉnh sửa điều luật này, nhà làm luật chỉ cần bỏ cụm từ “thông tin” là sẽ đảm bảo bao quát được đối tượng che giấu.

Thứ hai, về đối tượng tác động

Qua nghiên cứu thấy rằng, việc không

(29). Hình phạt tù tối đa đối với tội phạm đó là ít nhất 4 năm tù.

(30). Điều 6(2)(b) CTOC, t.lđd.

(31). Điều 6(2)(c) CTOC, t.lđd.

(32). Dương Tuyết Miên, “Đánh giá tương thích của pháp luật hình sự Việt Nam về tội rửa tiền với quy định tương ứng của chuẩn mực quốc tế và một số kiến nghị”, *Tạp chí tòa án nhân dân*, kì II, tháng 2/2011 (số 4), tr. 43.

giới hạn định lượng về đối tượng tác động của tội rửa tiền như quy định hiện nay có thể dẫn đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự những hành vi rửa tiền giá trị thấp, tính nguy hiểm cho xã hội không đáng kể. Do đó, nên học hỏi kinh nghiệm lập pháp của một số nước trong việc giới hạn định lượng tài sản tối thiểu bị tẩy rửa. Về điểm này chúng ta có thể học hỏi kinh nghiệm của Liên bang Nga, một nước có truyền thống pháp luật khá gần gũi với Việt Nam. Theo BLHS Liên bang Nga năm 1996, khi thực hiện hành vi rửa tiền với số tiền vượt quá 6 triệu rúp⁽³³⁾ thì người thực hiện sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội rửa tiền.

Đề bao quát được tài sản “tẩy rửa” bao gồm tài sản có được một cách trực tiếp hoặc gián tiếp từ việc thực hiện tội phạm và tài sản phát sinh từ những tài sản đó, điểm d khoản 1 Điều 324 BLHS năm 2015 quy định những hành vi liệt kê tại điểm a, b và điểm c khoản 1 Điều 324 BLHS năm 2015 cũng là hành vi phạm tội nếu liên quan đến “tiền, tài sản biết là có được từ việc chuyển dịch, chuyển nhượng, chuyển đổi tiền, tài sản do phạm tội mà có”. Để đơn giản hoá trong quy định mà vẫn đầy đủ ý nghĩa, chúng ta nên thay đổi nhận thức và hiểu thuật ngữ “tài sản

do phạm tội mà có” theo nghĩa rộng gồm “tài sản có được hoặc bắt nguồn từ việc thực hiện tội phạm” như quy định của CTOC.

Thứ ba, về tội phạm nguồn

CTOC yêu cầu các quốc gia thành viên phải coi những tội phạm được thực hiện ở nước ngoài là tội phạm nguồn của tội rửa tiền để đấu tranh hiệu quả với hoạt động rửa tiền. Để có cơ sở pháp lý và thống nhất nhận thức trong thực tiễn áp dụng, Thông tư liên tịch số 09 nên bổ sung hướng dẫn về vấn đề này. Cùng với đó vấn đề tội phạm nguồn nước ngoài không cần phải đưa vào BLHS, bởi vì theo quy định như hiện nay không giới hạn xử lý đối với tội phạm nguồn ở nước ngoài. Vấn đề áp dụng hay không chỉ phụ thuộc vào thực tế nhận thức của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng, do đó vấn đề này có thể giải quyết bằng văn bản hướng dẫn áp dụng BLHS./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Phương Hoa, *Nội luật hoá các quy định của Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia trong Bộ luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, 2016.
2. Nguyễn Ngọc Chí, *Những vấn đề lý luận, thực tiễn về luật hình sự quốc tế*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013.
3. Dương Tuyết Miên, “Đánh giá tương thích của pháp luật hình sự Việt Nam về tội rửa tiền với quy định tương ứng của chuẩn mực quốc tế và một số kiến nghị”, *Tạp chí tòa án nhân dân*, kì II, tháng 2/2011 (số 4).

(33). Giao dịch tài chính có giá trị lớn và các giao dịch khác bằng tiền hoặc tài sản là các giao dịch tài chính hoặc các giao dịch khác bằng tiền hoặc tài sản có giá trị vượt quá 2000 lần mức lương tối thiểu. Xem: Điều 174. Tội hợp pháp hoá (rửa) tiền và tài sản do người khác phạm tội mà có; Điều 174.1. Hợp pháp hoá (rửa) tiền hoặc tài sản do mình phạm tội mà có (Trường Đại học Luật Hà Nội, *Bộ luật hình sự Liên bang Nga*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2011).